

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 247/NQ-HĐND

*Hung Yên, ngày 06 tháng 12 năm 2019*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc giao biên chế công chức, lao động hợp đồng theo  
Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức  
hành chính nhà nước năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN  
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Quyết định số 1066/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-BNV ngày 04/9/2019 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Hưng Yên năm 2020;

Xét Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 29/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao biên chế công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2020; Báo cáo thẩm tra số 611/BC-BPC ngày 03/12/2019 của Ban Pháp

ché - Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Giao biên chế công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2020 như sau:

1. Biên chế công chức: **1.670** biên chế, trong đó:

a) Khối các sở, ban, ngành tỉnh: **861** biên chế.

b) Khối Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: **809** biên chế.

2. Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: **135** người.

*(Phụ lục chi tiết kèm theo)*

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Căn cứ Nghị quyết này, tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định; thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc quản lý, tiếp nhận, tuyển dụng, sử dụng công chức và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đảm bảo đúng theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 21/04/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; chỉ đạo cơ quan chuyên môn đánh giá cụ thể kết quả thực hiện lộ trình tinh giản biên chế công chức toàn tỉnh và của từng cơ quan, đơn vị giai đoạn từ năm 2015 đến thời điểm báo cáo; làm rõ nguồn biên chế phải cắt giảm của từng cơ quan, đơn vị trong thời gian tới. Qua đó rút ra những kinh nghiệm, phát hiện các vấn đề bất cập, chưa hợp lý,... đề xuất các giải pháp phù hợp để HĐND tỉnh làm căn cứ giao biên công chức năm 2021 và những năm tiếp theo.

c) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát kỹ, chính xác số lượng hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, đồng thời đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể hơn về thẩm quyền và hướng xử lý đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cân đối, điều chỉnh trong tổng biên chế công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao đối với những trường hợp phát sinh trong quá trình quản lý, sử dụng số biên chế công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ quy định tại Điều 1 Nghị quyết này; kết quả báo

cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVI, kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 06/12/2019 và có hiệu lực từ ngày ký./.

**CHỦ TỊCH**

**Đỗ Xuân Tuyên**

**Phụ lục****GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC CỦA TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2020***(Kèm theo Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh)*

STT	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Giao biên chế năm 2020	
		Công chức	LĐHĐ theo Nghị định 68
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>1.670</b>	<b>135</b>
<b>A</b>	<b>CẤP TỈNH</b>	<b>861</b>	<b>97</b>
<b>I</b>	<b>Văn phòng HĐND tỉnh</b>	<b>24</b>	<b>11</b>
<b>II</b>	<b>Văn phòng UBND tỉnh</b>	<b>52</b>	<b>15</b>
1	Cơ quan Văn phòng UBND tỉnh	<b>44</b>	<b>14</b>
2	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<b>8</b>	<b>1</b>
<b>III</b>	<b>Sở Nội vụ</b>	<b>66</b>	<b>7</b>
1	Cơ quan Sở	36	3
2	Ban Thi đua - Khen thưởng	12	2
3	Ban Tôn giáo	9	1
4	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	9	1
<b>IV</b>	<b>Sở Tài chính</b>	<b>43</b>	<b>3</b>
<b>V</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	<b>39</b>	<b>2</b>
<b>VI</b>	<b>Sở Lao động, Thương binh và Xã hội</b>	<b>50</b>	<b>5</b>
1	Cơ quan Sở	50	5
2	Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội		
<b>VII</b>	<b>Sở Nông nghiệp và PTNT</b>	<b>145</b>	<b>8</b>
1	Cơ quan Sở	37	2
2	Chi cục Bảo vệ thực vật	12	
3	Chi cục Thú y	11	1
4	Chi cục Thủy lợi	10	1
5	Chi cục QL đê điều và PCLB	17	1
6	Chi cục Thủy sản	7	1
7	Chi cục QLCL nông, lâm sản và thủy sản	12	1
8	Chi cục Phát triển nông thôn	20	1
9	Chi cục Kiểm lâm	12	
10	VP ĐPCTMTQG XDNTM	7	
<b>VIII</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>	<b>50</b>	<b>6</b>
1	Cơ quan Sở	25	4
2	Chi cục Bảo vệ môi trường	14	1
3	Chi cục Quản lý đất đai	11	1
<b>IX</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>	<b>34</b>	<b>10</b>
1	Cơ quan Sở	30	9
2	Văn phòng Ban An toàn giao thông	4	1

STT	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố	Giao biên chế năm 2020	
		Công chức	LĐHD theo Nghị định 68
<b>X</b>	<b>Sở Công Thương</b>	<b>36</b>	<b>3</b>
<b>XI</b>	<b>Sở Xây dựng</b>	<b>32</b>	
<b>XII</b>	<b>Sở Y tế</b>	<b>60</b>	<b>7</b>
	Cơ quan Sở	27	3
	Chi cục Dân số - KHHGD	14	2
	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	19	2
<b>XIII</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>44</b>	<b>2</b>
<b>XIV</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>	<b>31</b>	<b>2</b>
<b>XV</b>	<b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>	<b>38</b>	<b>4</b>
1	Cơ quan Sở	27	3
2	Chi cục TC đo lường chất lượng	11	1
<b>XVI</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>	<b>21</b>	<b>2</b>
<b>XVII</b>	<b>Sở Tư pháp</b>	<b>28</b>	<b>3</b>
<b>XVIII</b>	<b>Thanh tra tỉnh</b>	<b>33</b>	<b>3</b>
<b>XIX</b>	<b>BQL các khu công nghiệp</b>	<b>23</b>	<b>2</b>
<b>XX</b>	<b>BQL khu đại học Phố Hiến</b>	<b>12</b>	<b>2</b>
<b>B</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>	<b>809</b>	<b>38</b>
<b>I</b>	<b>UBND thành phố Hưng Yên</b>	<b>81</b>	<b>4</b>
<b>II</b>	<b>UBND huyện Tiên Lữ</b>	<b>81</b>	<b>5</b>
<b>III</b>	<b>UBND huyện Phù Cừ</b>	<b>79</b>	<b>2</b>
<b>IV</b>	<b>UBND huyện Ân Thi</b>	<b>85</b>	<b>1</b>
<b>V</b>	<b>UBND huyện Kim Động</b>	<b>83</b>	<b>5</b>
<b>VI</b>	<b>UBND huyện Khoái Châu</b>	<b>91</b>	<b>3</b>
<b>VII</b>	<b>UBND huyện Văn Giang</b>	<b>74</b>	<b>3</b>
<b>VIII</b>	<b>UBND huyện Văn Lâm</b>	<b>75</b>	<b>4</b>
<b>IX</b>	<b>UBND thị xã Mỹ Hào</b>	<b>78</b>	<b>6</b>
<b>X</b>	<b>UBND huyện Yên Mỹ</b>	<b>82</b>	<b>5</b>